

# Miền Nam Lục-Tĩnh Trong Truyện Ký Của Võ Phước Hiểu

Nguyễn Vy Khanh

Trong tập biên khảo *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX: Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại* xuất bản năm 2004, chúng tôi đã nói đến một văn nghệ "miệt vườn" nở rộ ở ngoài nước, sau biến cố 30-4-1975. Trong hoài niệm, người miền Nam đã làm sống lại một "mảng" văn học đặc thù. Người miền Nam "lục tĩnh" lần đầu phải rời bỏ quê hương đồng đảo đã thành công ghi lại quá vãng văn hóa, tinh tú con người và những thú điền viên, nếp sống không còn nữa hay không còn hy vọng tìm lại như trước: Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng, Kiệt Tấn, Hồ Trường An, Nguyễn Văn Sâm, Trần Long Hồ, Nguyễn Văn Ba, Sĩ Liêm, Huỳnh Hữu Cửu, Võ Phước Hiểu, Phùng Nhân, Cao Bình Minh, Đặng Thị Quế Phượng, Nguyễn Thị Phong Dinh, Hoàng Du Thụy, Nguyễn Thị Thảo An, Tiểu Thu, v.v. Khi đã xa thì cây trái quê mình mới thấy là quý và khi phải sống đời lưu xứ thì mảnh đất quê nhà trở nên thân thương như không thể dứt rời! Chúng tôi sử dụng cụm từ "Nam-kỳ lục-tĩnh", một đặc điểm rộng hơn tính "miệt vườn". Và sau khi được mùa với nhiều đợt tị nạn, đoàn tụ gia đình, thì vào những năm cuối thế kỷ XX, "mặt trận" văn chương "miệt vườn" lặng lẽ hơn, người viết ít lại và ít tác phẩm hơn. Tính chất khai phóng của văn học miền Nam dần mất phần nào khía cạnh bộc phát hồn nhiên, văn chương và tình ý dần dà cũng được lắng-kính tâm và trí thức gạn lọc hơn.

Trong số các nhà văn Nam-kỳ lục-tĩnh, Võ Phước Hiểu năng động và bền bỉ hơn cả dù ông xuất hiện trên văn đàn hải-ngoại sau đợt sóng "miệt vườn". Tập truyện đầu tay ông xuất-bản ở hải-ngoại là *Phá Sơn Lâm Đâm Hà Bá* do Làng Văn (Toronto Canada) xuất-bản năm 2000 (tái bản 2009), sau đó là *Hùm Chết Để Da* (Làng Văn 2001), *Như Nước Trong Nguồn* (2004), *Quê Cha Quê Mẹ Quê Mình* (2006). Ông còn xuất-bản chung với nhà văn Hiếu Đệ các tập: *Bên Đục Bên Trong* (2004), *Niềm Đau Bạc Tóc* (2005), *Nước Mắt Tình Yêu* (2006), *Nước Lớn Nước Ròng* (2007), *Ngàn Sao Lấp Lánh* (2008). Tất cả đều do nhà Hương Cau ở Pháp xuất-bản.

Với bút hiệu Võ Đức Trung, ông làm thơ phần lớn bằng Pháp ngữ và đã xuất bản *Thấp Sáng Hoàng Hôn* (1989), *Le Chemin vers la mer* (1988), *Coeur de mère* (1989), *Les Sentiers de l'Exil* (Editions Feu Sacré, 2009), cũng như chủ biên tập hợp thi ca *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại 1975-2000* (2003 – 2008), hai tuyển tập thi ca lưu vong *Ba Mươi Năm Niềm Đau Còn Đó 1975-2005* (2006), *Tình Lính Duyên Thơ* (2008), cùng các tuyển tập hoài niệm *Phi Ván, Nỗi Buồn Hoài Niệm* (2009) và *Hiếu Đệ Lão Ngoan Đồng* (2010). Ông từng chủ trương tạp chí *Văn-Hóa* (France-Vietnam Culture) xuất bản ở miền Bắc Pháp từ thập niên 90. Trước khi phải rời bỏ quê hương làm thân tị nạn và làm văn hóa, trong thời lịch sử miền Nam tự do 1954-1975, Võ Phước Hiểu đã chủ trương một nhà xuất bản đa dạng, tụ tập được nhiều giáo sư đại học cũng như khuynh hướng chính trị. Ông còn chủ trương một Tập san "ra đời trong mục đích tạo điều kiện cho các nhà suy tư Việt Nam diễn đạt và phổ biến những tư tưởng quý giá của họ trong mọi lãnh vực" (theo bài mở đầu Tập san số 1).

\* \* \*

Trong bài này, chúng tôi viết về các truyện ký của tác-giả Võ Phước Hiểu đã xuất-bản cho đến hôm nay 2010, qua 4 tập truyện và 5 tập in chung với Hiếu Đệ, và chúng tôi đi tìm những đặc tính Nam-kỳ lục-tĩnh qua các trang viết của ông.

Một số các tuyển tập truyện được tác-giả ghi thêm phụ đề "chuyện đồng quê", "chuyện đồng quê miền Nam" hoặc "chuyện đồng quê Nam-kỳ lục-tĩnh". Các tựa đề Võ Phước Hiểu chọn đã gợi ý và khiêu khích người đọc tìm đến truyện ký của ông: Ngày Ấy Qua Mau, Như Nước Trong Nguồn, Nỗi

Buồn Hoài Niệm, Nẻo Nhớ Tim Về, Quê-Hương Lãng Đãng, Miếng Thương Miếng Nhớ, Niềm Đau Cuối Đời, v.v.

Thật vậy, ông viết về những đề tài thường thấy nhất của văn-học hải-ngoại, đó là quá khứ và quê nhà, và ở những vùng thôn quê của miền Nam lục-tĩnh! Người phải sống lưu xứ có những nhu cầu, hy vọng và những âu lo riêng. Trong tình cảnh đó, quá khứ trở thành tổ ấm, ngọn lửa. Thời gian đã qua khiến quá khứ trở thành một thực tại thường trực, bất biến! Quê hương của người phải sống lưu đầy như đối với người Việt sau tháng Tư 1975 là một quê hương đã mất nhưng đồng thời quê hương đó cũng trở nên không chắc chắn, mơ hồ vì cái mất mát ở đây không thể đo lường, thống kê như khi người ta đánh mất vật dụng hay tài sản! Quê-hương đó đi đôi với quá-khứ, một quá-khứ lịch-sử và văn-hóa! Quê nhà, không gian ấy, Rạch Rít hay làng xóm miền quê sống động trong những trang viết và đối với Võ Phước Hiếu, như một hạnh phúc được sống lại, như đang sống. Thứ hạnh phúc còn có thể tìm thấy trong văn chương, nhờ đó mà còn có thể qua văn chương đi thăm lại những con đường quê, bờ ruộng, khu phố xưa, càng xưa càng thắm. Qua văn-chương và với một tấm lòng! Như Võ Phước Hiếu đã hơn một lần tâm sự với người đọc: *“Tôi có thói quen thường lang thang trở về quá-khứ, sống lại những ngày qua xa hút, xem như một phong cách đương nhiên của con người trần tục lúc tuổi xuân đã bị bỏ lại quá xa sau lưng mình(... Và cũng để nhận rõ ra rằng mỗi cuộc đời đều phải có trước có sau, có cội có nguồn, căn cứ gốc rễ”* (Quê Cha Quê Mẹ Quê Minh, tr. 208).

Nhìn chung, bối cảnh của gần toàn bộ truyện ký của Võ Phước Hiếu là các vùng đất thôn quê, những nơi chốn khác nhau của miền Tây không xa Sài-Gòn là bao. Ngôn-ngữ, nhân-vật, tâm lý cũng là của con người sống chết với miền đất mới còn gọi là vùng đất phù sa và tân bồi - cũng là những nơi ông đã sống, nay phải xa và đã mất đi, nhờ đó ông đã có nhiều cảm hứng để viết, và cũng nhờ đó ông đã ghi nhận được những nét tinh tế, linh động và đặc-thù địa-phương! Thật vậy, tác-phẩm của Võ Phước Hiếu vẽ lại một cách sống động hình ảnh những con người chân lấm tay bùn, quanh năm bám chặt với ruộng vườn – nơi cảnh có thơ mộng nhưng phải đổ mồ hôi, nước mắt và nơi ấy cũng đầy bất công, áp bức, khổ đau.

Miền Nam vốn là nơi *“Đất đai hoang vu ngút ngàn không ai thừa nhận sở hữu chủ. Mạnh ai nấy vốc tâm gắng sức đổ mồ hôi làm thành khoảnh, theo sự cổ vũ khuyến khích của làng xã, đã chính thức cấp giấy phép tạm thời cho vỡ hoang, cày cấy trồng trọt sinh sống. Họ đến đây, “đất nước lạ lùng”, «chim kêu vượn hú», không một bóng người, đôi khi đơn độc một mình. Tứ cố vô thân. Hành trang mang theo chỉ vỏn vẹn vài dụng cụ cần thiết cho cuộc sống và nhu cầu làm việc hằng ngày. Đại khái một nóp bàng để ngủ đêm cuốn tròn gọn lỏn quai trên vai. Một chiếc áo toi lá chằm, người bạn đời không bao giờ rời, như bóng với hình mùa mưa dầm rả rích, gió lạnh thấu xương. Rồi ít dao rựa, vài cái phăng cổ cò cổ diệc để phát cỏ hoang, năn sậy.*

*Và quan trọng hơn hết, một cái cà ràng dễ di chuyển, đặt nơi nào cũng được, trong chòi vào mùa khô, trên bè hay trên xuồng ba lá nhằm mùa lũ lụt. Quanh năm nó giúp ấm lòng ấm dạ để an tâm trong hiện tại và phần khởi ở những ngày dài trước mắt.*

*Thêm chiếc xuồng con thon thon làm chum làm cặng, xé dịch đó đây hoặc dùng chuyên chở mạ non, thóc lúa. Không có nó kể như bị chặt tiện mất hai chân. Không còn khả năng làm ăn ra trò trống gì cả ở vùng sông rạch với những đường nước mà trời cao lòng lõng, rộng rãi ban cho thừa thãi khắp nơi”.*

Nhưng khi đất đã có chút ít hoa màu, dân *“ra quận, lên tỉnh xin hợp thức hóa, họ mới tá hỏa tam tinh, té ngựa, kêu trời không thấu. Phần đất khai khẩn bấy nay là sở hữu của thầy Cai tổng này, ông Hội đồng nọ, hoặc của ông lớn ông nhỏ, bà thứ bà bé các quan ở quận ở tỉnh. Đôi khi còn ở xa mút tí tề tận Sài Gòn Chợ Lớn hoa lệ nữa. Họ ngồi không, chưa hề động đến móng tay, chẳng nhều một giọt*

*mồ hôi công khó, chỉ chờ đến thời điểm thuận lợi cấu kết nhau chia phần từ thuở nào rồi.*” (Trâu Già Chằng Nệ Dao Phay).

Các nhân vật chính trong truyện của Võ Phước Hiếu thường gặp những biến cố, trắc trở, bất ngờ xảy ra, vì “cuộc đời thăng trầm, thượng vàng hạ cám”. Nhất là những người dân nghèo lam lũ và những nạn nhân của thời cuộc. Đi vào thế giới văn-chương của Võ Phước Hiếu, thật vậy, người đọc bắt gặp một trời tình cảm dạt dào, gắn bó với đất đai dù hoàn cảnh, tình thế có thể nào đi nữa. Cũng vì tình cảm này mà người dân ở chốn thôn quê phải gánh chịu nhiều cay đắng cũng như nợ nần và thất vọng. Họ bắt buộc phải đối đầu với những khó khăn trước mắt, chạm trán từng ngày với thực tế khắc nghiệt, cam khổ. Vì thế họ liên tục là nạn nhân dù thời thế có đổi thay! Truyện Bác Thầy Hù vẽ lại cuộc sống đầy bất trắc sau ngày 30-4-1975, với chính sách Giản dân kinh tế mới của cộng-sản Hà-nội thực ra chỉ là đòn thù nhắm những thành phần chúng xem như là kẻ thù giai cấp - những Hai Nhím nghệ sĩ hát bội nay phải hớt tóc dạo, và qua nhân-vật này, những tên cán bộ, công an khu vực dưới ngòi bút của tác-giả trở nên kịch cớm: *“đồng phục màu vàng xúng xính xùng xính, xanh xao vàng vọt như tàu lá chuối non, ốm yếu trơ bẹ xương như cá lẹp tấm nhang, mặt mày hồng hác nhăn nheo như những người già háp (...) Bây giờ đã thấy hấn ta phi ra tròn vo, căng da trắng mơn...”*. Chúng 'lột da, đổi lột' nhưng lòng dạ vẫn tham hiểm, tàn bạo. Đạo đức hay cách mạng đều giả, có lúc sàm sỡ hỏi tìm gái 'chịu chơi'.

Trong Đồ Quân Ăn Cướp, nhân-vật thằng Vắng dù theo cộng-sản và được nhìn nhận có công với 'cách mạng' nhưng hai năm sau ngày 30-4-1975 cuối cùng y cũng đã trở nên nạn nhân, y cũng bị cướp nhà đất như dân 'ngụy', do âm mưu của 'đồng chí' mụ Bảy Rồi, đại diện tập đoàn *“như gà mở cửa mả, quanh quẩn bên mồ ma”*. Tựa truyện mà cũng là tiếng chửi rủa của thằng Vắng sau khi bị chúng xảo quyệt cướp mất nhà mất vườn.

Đến truyện Bức Chân Dung, nhân-vật bộ đội Tư Ca người xứ 'Đồng khởi' nhưng không tiến thân được vì lý lịch bần cố nông chưa đủ và bị phê bình kiểm thảo liên tu. Dù trung thành theo Đảng cộng-sản nhưng lại thường trực sợ hãi, sợ chết, xin xâm nhập vào Nam vì muốn xa lánh đám cộng-sản Bắc. Về sau lê la kiếp sống *“mượn hơi men cay nồng nóng cháy của rượu đế quốc doanh để vỗ về giấc ngủ hối hận và lỗi lầm (?) nhằm xoa dịu những ray rút xót xa trong lòng (?) Và cũng để quên những 'thành tích lẫy lừng' suốt một kiếp người đóng góp xây dựng chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa tai hại cho cả nước”*.

Chú Năm Nghê trong truyện Trâu Già Chằng Nệ Dao Phay sau 1975 tuổi đời đã hơn 70, đã sống qua đủ đổi thay nhưng cũng không thể sống dưới chế độ cộng-sản Hà-nội. Ông chỉ muốn chết vì *“Ông bà viễn tổ mình nói đúng lắm: “Chết trẻ khỏe ma, chết già nhọc xác”. Sống lâu trong chế độ này thêm nhục nhẽ. Tao cầu nguyện ông Trời thương, ngủ một đêm đi luôn, khỏe ru bà rù, không phiền hà ai, ngay cả cái bản thân của mình nữa. Sống thoi thóp, cơm ngày hai buổi, chạy túi bụi, mệt cầm canh mà còn bữa đói bữa no. Chết đói cà dọt cà dọt như vậy thêm đau đớn, tội cho xác thân.*

Chú cho biết lý do: *“Cái đám lãnh đạo lãnh địa, chỉ đường chỉ ngõ này, dốt đặc cán mai. Chữ viết như cua bò, quọt quẹt chắm phết như ở thời phong kiến La Mã. Nhiều tay vua chúa, tướng tá chém giết không ngừng tay, oai phong lẫm liệt hò hét hét ra lửa, nhưng khi ký tên chỉ có hai sỏ ngang và đứng làm dấu thánh giá. Làm sao chú cháu mình góc đầu dậy nổi? Họp hè thúc réo, tao đếch có đi. Tao "măn phú". Tới đâu thì tới. Đường cùng rồi! Tụi nó có muốn làm gì thì làm. Sao cũng được. Đầu tao đã bạc trắng rồi! "Trâu già chằng nệ dao phay" mà!”. Đám cán bộ làm mưa làm gió, bất kể tình người vì *“Đám con cháu Bác Hồ nghèo xơ nghèo xác đang hồ hởi tập tành đổi đời qua những tiện nghi phồn vinh giả tạo của Miền Nam”*.*

Những chuyện bi hài hậu-30 tháng Tư chiếm nhiều trang truyện của Võ Phước Hiếu. Như hầu hết tất cả người miền Nam đã phải bàng hoàng trước những đổi đời sau ngày gọi là “giải phóng”. Nói như

tác-giả, “*‘khí thế cách mạng’ đang lên, lòng người hời hợt nhẹ dạ có lắm đổi thay không ai lường trước được*”. Trong Con Sao Chiếu Mạng, nhân-vật Hai Ngọng đời cha đời con đạp xích lô ở xóm Cống là một nạn nhân tiêu biểu, hồ hởi khi cộng-sản đến bao nhiêu thì sau những trò học tập và tuyên truyền “giải phóng giai cấp nghèo”, “làm chủ tập thể”, v.v., lại trở về làm nạn nhân còn tệ hại nhiều lần so với trước ngày chúng vào. Cộng-sản bày ra Tổ hợp đạp xích lô, Hai Ngọng phải giao nộp xe cho Tổ hợp và trở thành ... tổ viên đạp chiếc xích lô của mình ngày trước: “*Làm chủ mà nay đổi nhãn răng, vợ con ốm yếu gầy mòn. Nó bắt đầu cầu nhau cau có và vắng tục với giọng ngọng nghịu bầm sinh*”. Cuối cùng nhà đất cũng mất hết, nằm trong một mái lá lụp xụp, nó mới nghiệm ra rằng nó đã bị “sao vàng” chiếu cho ... mặt tận luôn! (Trong khi bà vợ thực tế cho là y bị con sao ‘chàn hăng’ chiếu cổ).

Truyện ký của Võ Phước Hiếu mang tính *truyền thần* vì ông dùng văn tự để minh họa lại cho người đọc ông - phần lớn ở ngoài nước, những con người trọng nghĩa khinh tài, thật thà, quê mùa, lời nói thẳng ruột ngựa. Cá tính thì cương trực, dứt khoát và trọng chữ tín. Đó là tính cách của người nông dân Nam-kỳ trong một xã hội đen tối, đầy phức tạp và nhiều biến động, từ thời Pháp-thuộc cho đến sau 1975. Chính hoàn cảnh sống và việc phản ứng lại tình cảnh là những nhân tố tạo thành tính cách này.

\* \* \*

Trâu Già Chăng Nệ Dao Phay kể chuyện chú Năm Nghê của xóm Rạch Rít, có duyên “*kể chuyện xưa tích cũ, nói thơ chàng Lía, thơ Thầy Thông Chánh, cậu Hai Miêng... nhưt là thuật chuyện tiếu lâm châm biếm, mọi người đều cười nôn ruột...*”. “*Chú tự tạo niềm vui, tự tạo những ngày tháng hạnh phúc cho chính bản thân mình. Vì chú quả quyết, niềm vui và hạnh phúc chỉ do chính mình tạo dựng ra, chính mình suy nghĩ phát kiến mà có, chứ không ai vào chèo đật hoang vu này ban bố cho bao giờ. Nhưt là chẳng ai mang tiền mang của, dù tiền rùng bạc biển ra mà hồng mua được. Nhưng cái ưu điểm quý hiếm tuyệt vời ở chú Năm Nghê là biết chia xẻ niềm vui và hạnh phúc đó cho mọi người xung quanh. Như vậy cuộc sống chung dựng hằng ngày thêm dễ chịu, hào hứng và có ý nghĩa hơn*”.

Với một nhân sinh quan lạc quan tự nhiên như nắng mưa, như con nước lên xuống, nhân-vật Năm Nghê cuộc đời đổi thay, lên xuống, cả bị đưa sang Pháp mẫu quốc làm lính thợ nhưng vẫn nhìn đời bằng con mắt tin tưởng, thanh thản: “*Kinh nghiệm cho tao thấy đời sống hằng ngày vô cùng tươi đẹp với muôn màu muôn sắc và ý nghĩa. Tha hồ mà chọn lựa. Đời rất hấp dẫn, chất chứa bao nhiêu lời cuốn quýt rủ gọi mời. Đời lại muôn hình vạn trạng. Mỗi người nhìn một góc cạnh nào đó của cuộc đời để qua cái đẹp mình vừa khám phá, đón nhận đời với niềm vui hạnh phúc tự tạo. Từ đó dẫn dắt mình thêm thương yêu cuộc sống, thêm thương yêu những gì chung quanh mình như yêu người, yêu thiên nhiên, yêu nội tâm, yêu ngoại cảnh... Tất cả đều bao la không biên giới. Đời luôn luôn mở rộng cửa nẻo thênh thang để vẫy mời đón đợi, mở rộng những ngõ ngách lối đi niềm nở tiếp rước mình. Chỉ có những ai bi quan chán chường, những tâm hồn bệnh hoạn, trật đường rầy mới lạnh lùng quay lưng lại đời. Những hạng người đó mới thực sự cô đơn thối*” (Trâu Già Chăng Nệ Dao Phay).

Cách ứng xử rất Nam-kỳ, có thể bị xem như có chút ... quê mùa, thô sơ, nhưng là một thứ ứng xử kiểu Lục Vân Tiên hay “*kiến nghĩa bất vi vô dũng dã, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng*” đã là những phương thức xử thế và nhân sinh quan của con người Nam-kỳ lục-tinh vốn đã thấm nhuần từ truyền thống văn-hóa và giáo dục dân gian. Từ những ứng xử đó, người dân như ở xóm Rạch Rít đã đi đến một thứ triết lý mà tác-giả gọi là “*tự vệ để sinh tồn*”: *bà con tôi vốn nhẫn nhục, chịu đựng, trồng cây ở tình đoàn kết keo sơn gắn bó, ở sự hy sinh bất kể đến sinh mạng mình để bảo vệ xóm làng. Cái triết lý tự vệ để sinh tồn, duy trì sự sống đáng sống ấy là niềm hãnh diện lớn lao của bà con tôi. Niềm hãnh diện ấy cùng với khí thế tự hào chung được thể hiện tròn đầy qua tiếng cười vui bất chợt trong những câu chuyện dong dài nhắc nhớ nhau sau mỗi đêm thức trắng. Họ ríu rít không ngưng ở những*

*buổi sáng uể oải chống cướp quấy nhiễu dân tình.*”(Đám Cháy Đầu Xuân). Chuyện Vét Ao Ăn Tết cho thấy thêm khía cạnh thực tế của triết lý tập đoàn này ở chốn ruộng bưng và đồng rừng tân lập.

Các truyện của Võ Phước Hiếu đầy dẫy những chuyện *đạo lý* vốn là đặc điểm trội bật của xã hội ở vùng đất “tân lập rảo hồi” như miền Nam lục-tĩnh, nơi người dân vẫn tin “có đức mặc sức mà ăn” và “ăn trái nhớ kẻ trồng cây”. Người đọc được thấy lại những tinh thần đạo lý như “quân, sư, phụ” và “trọng đạo tôn sư” trong các truyện Ông Thầy Giáo Làng Quê, tinh thần kẻ sĩ như của ông Thầy Huế và ông thầy dạy chữ nho trong Chữ Nghĩa Một Thời, Giáo Sư và Thầy Huế trong Ngày Ấy Qua Mau, Hương sư Chương trong Như Nước Trong Nguồn. Như lời dạy của ông Thầy Huế tác-giả còn nhớ: “đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo” (đạo không xa cái bổn tánh con người; hễ vì đạo mà xa cái bổn tánh ấy thì kẻ đạo ấy không phải là đạo). Dù chỉ học một thời gian ngắn, nhưng theo tác-giả ông Thầy Huế “*đã hun đúc trong tâm hồn trong trắng của tôi một nền tảng vững chắc về đạo đức làm người và phương châm ứng xử qua cái tâm lành và nhân cách trong sáng của Thầy. Chính đó là căn cơ cội rễ của niềm tin nơi cuộc sống và cuộc đời của tôi sau này*”.

Viên đốc học tên Thường trong truyện Hùm Chết Để Da thì lại khác. Làm công chức ngành giáo dục thời Pháp thuộc, được lòng cấp trên và đồng nghiệp (như ông ta), nhưng lại là một con người bất thường và vong bản. Ngay từ trẻ Hai Thường đã tỏ ra là một tay chân tốt cho chủ là ông bà Hương quản Hạnh. Cuộc đời tiến thân dễ dàng vì lúc đầu may mắn được giúp đỡ, từ quận lên Sài-thành học trường Sư phạm, về sau thì bợ đỡ: ra trường, y làm đốc học trường nhỏ rồi trường lớn, rồi làm thanh tra, dùng tiếng Pháp làm ngôn-ngữ sinh sống, viết cả sách giáo khoa, nịnh quan Tây, nhưng xa lần tiếng mẹ đẻ cùng gốc gác của mình. Hương quản Hạnh trở thành Cai tổng Hạnh, gả con gái cho Hai Thường. Đốc Thường là một người con bất hiếu, từ hành cử đến ngôn-ngữ ăn nói, khiến thân sinh đã phải chua xót than phiền “Hai Thường có học mà không có hạnh. Mà con người không có hạnh thì kẻ như đời vát đi!”. Thời đi học, y xấu hổ với bạn bè biết thân phận nghèo nên không thích mỗi khi cha là Bảy Cối thợ đóng cối xay, lên thăm, đến khi lấy vợ rồi thì từ bỏ gốc gác gia-đình và không hề nhắc đến xứ sở xóm Cống Bè Long Khê, ai hỏi thì chỉ khoe là con rể của Cai tổng Hạnh ở Long Hưng Trung. Nhưng thời cuộc đổi thay, Nhật đến, Pháp thua, rồi thời Việt Nam Cộng hòa, đốc Thường bị cho về hưu non, sống đó mà như lê lét quãng đời còn lại - phải chăng ông hối tiếc đã “từ mẹ phụ cha” và “vong ơn bội nghĩa”?

Ngoài tình thầy trò và trọng đạo tôn sư, một số mẫu mực đạo lý nho giáo á-đông như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín hoặc tình phụ tử, mẫu tử, lòng hiếu thảo, tình gia-đình, bằng hữu, hay của Phật giáo (nhân quả), v.v. cũng được Võ Phước Hiếu đưa vào các truyện ký. Các truyện trong tập *Như Nước Trong Nguồn* là những nỗi nhớ, thương tưởng ông bà, cha mẹ: ta có mặt và được như hôm nay là nhờ ở công ơn ông bà tổ tiên, và công danh hành trạng ta có cũng là do cha mẹ chăm chút tập tành từ những ngày thơ ấu. Mà được sống gần mẹ cha là hạnh phúc lớn: “*phụ mẫu tại đường như Phật tại thế*”(cha mẹ còn sống trong nhà như Đức Phật ở thế gian). Mẹ tác-giả qua đời khi ông đã đến đất tạm dung miền Bắc nước Pháp, nơi không có những com chim vịt tiếng “kêu khắc khoải theo con nước lớn nước ròng” mỗi khi hoàng hôn xuống, nhưng nỗi tiếc nhớ và ray rức đậm đà cùng những nỗi buồn cứ trở về xâm chiếm, gặm nhấm tâm hồn ông!

Ngoài ra, những chuyện trị quỷ trấn ma như với nhân-vật Sáu Kiếm trong Con Quỷ Gò Bướm Quê Tôi cũng là phương tiện để đề cao đạo ngay lẽ phải và nhân quả nhân tiền ngay tại kiếp này cũng như để phê phán thói mê tín dị đoan của người mình.

Như vậy *đặc tính miền Nam lục tỉnh* thật đã rõ rệt trong truyện ký của Võ Phước Hiếu, qua văn phong, ngôn-ngữ sử dụng cũng như qua các nhân-vật, sự kiện và ký ức cá nhân cũng như tập thể!

\* \* \*

Võ Phước Hiếu tinh tế trong kỹ thuật sử dụng, chọn lựa tình tiết câu chuyện, một cách rất Nam-kỳ mà chỉ những người sinh trưởng ở một địa phương và thật sự yêu mến con người xóm làng của mình, mới thể hiện một thứ tình tự quê hương tinh tế như thế. Trong Quê Hương Lãng Đãng, người con là tác-giả đã phải bỏ xóm Rạch Rít để đến Gò Đen trọ học tuy không xa xôi lắm nhưng đã gây nơi tác-giả biết bao nhung nhớ từng con nước, từng nơi chốn trẻ nhỏ vui đùa bè bạn, ... tất cả đã hiện lên trang giấy những hình ảnh quê-hương tuyệt đẹp, không phải cái đẹp hào nhoáng, vật chất, mà là đẹp vì cảnh vật nơi đó có hồn và chứa đựng biết bao quá-khứ và biến cố cuộc đời! Hay như trong Nhứt Phá Sơn Lâm Nhi Đâm Hà Bá, người đọc có thể sống lại những ý nghĩ của Tám Thôi, người con xóm Phú Thứ bỏ đi xa (tuy không xa lắm, Chợ Lớn), nay về thăm quê cũ và chỉ muốn sống yên nơi quê hương chấp nhận làm nghề câu tôm cá như thời xa xưa. Vui buồn lẫn lộn, niềm vui dù khôn tả trong tình cảnh tái ngộ, nhìn lại song hành với nỗi buồn trước những cảnh sống nghèo nàn, khốn cùng đang bủa vây quê nhà vì chế độ bần cùng hóa nhân dân cho để bè thống trị.

Người đọc thường nghĩ là nhà văn ẩn mình tinh tế kín đáo sau tác phẩm, nhưng trong nhiều tình huống và trước những hoàn cảnh xúc cảm, nhà văn sẽ trực tiếp đưa cái Tôi ra để đến với người đọc. Trong Con Lốc Xoáy Tim, xóm Rạch Rít trở lại với những kỷ niệm ấu thời để tụ lại ở thời tác-giả rời nhà ra học trường Bồ túc Gò Đen (Bến Lức), nơi đưa ký ức và tình cảm tác-giả ngừng lại rất lâu với những nhân-vật lịch-sử như ông Hội đồng Võ Công Tôn mà mẹ con ông thuê căn phố trọ. Phần mộ ông Hội đồng Võ Công Tôn (không xa nơi yên nghỉ của chí sĩ Nguyễn An Ninh) còn đó như nhắc nhở người đời những thành tích chống thực dân Pháp và bênh vực kẻ cô thế. Trước khi vượt biên, tác-giả đã *“ngoái nhìn lại về phía sau, về phía Voi Lá-Long Phú của quận Bến Lức thân yêu. Giữa bối cảnh nội tâm dòn dập đó, hình ảnh ông Hội đồng Võ Công Tôn, mẫu người lý tưởng của tôi thiếu thời lại hiện ra trong sáng, chói lọi hào quang”*. Cũng nơi địa danh Voi Lá - Long Phú này, thành bạn Bảy Cò ngang ngược, cờ bạc ngày xưa khi Cộng quân xâm chiếm quê-hương, đã trở về tác oai tác quái hành hạ chính dân làng mình: *“Bảy Cò mà làm cách mạng cái com khi khô gì! Chử cách mạng thiêng liêng cao đẹp biết đường nào đã bị chúng nó bôi bẩn (...) Thối thân của nó là thằng cờ gian bạc lận, đá cá lặn dưa, thuộc phường ăn hại, quyết nợ quyết đời (...) Nó trở mình còn hơn bánh phồng nướng lửa rơm ... Nó làm như là người ở dưới đất nê chui lên”*. Người xưa người nay, tác-giả không nói ra nhưng người đọc đã thấy quá rõ ai thương nước thương dân!

Võ Phước Hiếu dùng *phương ngữ* miền Nam lục-tỉnh. Hầu hết các nhân vật đều có ngôn ngữ và cử chỉ của người miền sông Tiền, quê hương của người viết truyện. Đặc tính tìm thấy trong ngôn ngữ mà cả không gian và các địa danh đặc thù của Nam-kỳ lục-tỉnh như Ô Cu, Ô Cò, Con Lươn, Vàm Cây Trôm, Bàu Lác, bưng Bà Mụ, ấp Bà Lác, ao Bà Vãi, gò Bà Sún, Gò Bướm, xóm Rạch Rít, v.v. Tác-giả cũng nói đến cách đặt tên, gọi tên theo thứ tự trong gia-đình và làm sao cho khỏi trùng (X. Niềm Đau Cuối Đời).

Ngôn-ngữ trong truyện Võ Phước Hiếu đa tạp vì con người đến từ nhiều đời, từ nhiều phương hướng, từ Đàng ngoài của đất Việt cũng như từ các nước lân cận. Một *phương ngữ* phản ảnh tâm tư, chân dung con người và hình ảnh của nhiều địa phương đồng thời phản ánh quá trình phát triển của một vùng đất: *tâm hơ, lạ hươ, nóng hơ, “chà lét, lờn mặt”, v.v.* Hoặ những từ hay nghe thấy ở miền Nam lục-tỉnh hơn là những nơi khác như *sung túc thạnh mậu, thum lá (nghèo nàn), mâm com vĩ vèo, “qua cầu rút ván, qua sông đục đờ”,...* Những tiêu đề truyện như Nhứt Phá Sơn Lâm Nhi Đâm Hà Bá mang vẻ hoang dã của thời khai khẩn đất hoang, ở Võ Phước Hiếu là chuyện bầy chim câu cá của nhân-vật Tám Thôi!

Ông đã sử dụng ngôn ngữ của đời thường, thứ tiếng nói bình dân, giản dị nhưng không kém phần độc đáo của địa phương nơi nhân-vật sinh sống, những vùng địa lý Rạch Rít, Gò Công, Bến Lức,... : *(nồi nước) to bình rinh, hàng lu vú, hũ da bò, trụ hình trụ bộ, bươm (rút lui, rời), (con heo) ú na ú nú, mạp lút chỉ, đám trẻ lòng tong cá chốt, sợ lưn tim, (tóc) cạo trọc trơn lu bóng láng, mạp mạp xõn xơ,*

miệng mồm ống nhỏ đường mương, mặt mày đỏ gay như mồng gà cồ sung sức lúc tờ mờ sáng, bùn non xà nịn,... Hoặc đầy hình ảnh như “những cánh rừng mát chỉ cà tha”, “chòi lá lè tè xập xệ”, “ngăn ngắt gặm nhấm” tâm hồn, “gánh hát xả giàn”, bạn nhỏ thuộc “hàng chần ăn trăn quẩn”, ... Hay “bán lưng cho trời” khi nói về nỗ lực, phấn đấu, như “ăn mấm húp giò” về thói hà tiện, v.v.

Văn Võ Phước Hiếu giản dị được bỏ xung bởi những từ láy, những từ ngữ tiếp âm đơn hoặc ghép, riêng nhưng đầy lí thú của miền lục-tĩnh, gây sống động và đồng thời gợi hình qua âm thanh, hình ảnh: *phơi (lác) dôn dốt, bù trơ bù trót, công việc đặng đặng đê đê, lục lẩn lục lữa, (mấy bà) bông chanh bóc chách, xa xưa hun hút, chợ chiều thị tứ, (gà) mập triu triu, các ca các cùm, lạ hoắc lạ huơ, v.v.*

Ngôn-ngữ ở đây rõ là *chân-phương* và giàu hình ảnh cụ thể, trực tiếp, cả để diễn-tả những tình cảm, suy tư, v.v. Ngôn-ngữ chân-phương để phản ánh đúng cách nói của người Nam Kỳ cũng như cách tác-giả tả cử chỉ, diện mạo, thái độ, hành động, v.v. của các nhân-vật đã giúp người đọc khám phá con người cùng tâm-lý, tư tưởng nơi vùng đất mới này. Ngôn-ngữ đó được phát xuất từ những con người mộc mạc, thẳng ruột ngựa nhưng tế-nhị, thừa biết ăn ở cho phải đạo! Một ngôn-ngữ đầy tính lạc quan, tính chân thật và giản dị. Võ Phước Hiếu đã ghi lại ngôn-ngữ Nam-kỳ của một thời cổ-cựu và đã góp phần tái dựng nên bức tranh xã-hội của thời điểm đó. Người đọc thường thức truyện ký của Võ Phước Hiếu sẽ tìm thấy một thời đại đã qua với con người cũng như văn-hóa, tâm lý, cách cư xử, v.v.

\* \* \*

Cái riêng độc đáo của Võ Phước Hiếu là sự chân chất mộc mạc phát ra từ mỗi truyện, là nồng độ phương ngữ miền Nam trong truyện, với một kho từ-vựng dân dã, lấy thẳng từ cuộc sống chung quanh. Sự hấp dẫn của truyện Võ Phước Hiếu là ở chỗ sử dụng phương ngữ tối đa và đúng chỗ vào những câu chuyện thật “miền Nam lục-tĩnh”. Đó là miền Nam của miệt ruộng miệt vườn, đất tân lập, rừng hoang dã. Đó là miền Nam đã thái bình nhưng vẫn còn dấu chiến tranh -- không ở sự điều tàn vì bom đạn mà ở những vết thương trong đời người (...). Nước Mắt Tình Yêu là chuyện tình trai gái có thể là duy nhất của Võ Phước Hiếu, chuyện anh Bàn và cô Tư Xinh quen nhau nơi đồng áng và đến với nhau thân mật giữa thiên nhiên. Hai người có vẻ 'môn đăng hộ đối' không do hoàn cảnh gia-đình mà do có cùng số phần long đong lận đận. Nhưng kết cuộc, cô Tư Xinh lại làm vợ Hai Phú, con ông Ban Biện, có vẻ 'tham phú phụ bần', còn anh Bàn đau buồn thành bệnh tâm thần rồi “âm thầm đi vào giấc ngủ thiên thu trong cô đơn cô độc”.

Trong một truyện ngắn, việc xây dựng và dàn tả tất cả tình huống làm nổi bật tính độc đáo của nhân-vật hoặc khiến người đọc cảm nhận được khúc mắc của tình huống mà còn cho thấy một tâm trạng, một nhận thức nào đó của nhà văn. Nhân vật trong truyện của Võ Phước Hiếu không thao thức, dằn vặt nội tâm theo kiểu thời thượng phân tâm, hiện sinh như nhiều nhà văn khác. Nhân-vật của ông nói chung sống những mảnh đời đơn sơ, bình thường, «nơi chèo đất quê nhà», nào là những con người của xóm Rạch Rít với tục danh dân làng đặt cho: thím Chín Tý (lò bún nổi tiếng), Bảy Sô (ba xi đế), chú Bảy Cối (cối xay lúa), ..., rồi những con người mộc mạc, tinh tứ khác của xóm Cầu Sắt, xóm Phú Thứ, xóm Cống, xóm Rạch Chung, Ba Cùm, Sò Đo, Voi Lá-Long Phú, Thủ Thừa, Bến Lức, làng Phước Lợi, chợ Đệm, chợ Gò Đen, tỉnh Chợ Lớn, v.v. Rạch Rít thuộc làng Thanh Hà, Bến Lức - “nơi chôn chặt ghi níu chuỗi ngày dài thơ ấu của tôi. Nơi chưa một lần vẫn đục nhặng vương bận hệ lụy của cuộc đời” (QCQM tr. 113), được xem như là không gian quá vắng được tác-giả viết đến nhiều nhất qua gần như toàn bộ các truyện ký.

Võ Phước Hiếu đặc sắc ở cách đặt tên nhân-vật: Năm Nghê, Tám Thôi, Bảy Sô, Sáu Củ Nừn, thằng Ba Nô, thằng Văng, thằng Xôi, thằng Ba La, mụ Bảy Rồi, bà Mười Phận, bà Tư Trầu, bà Hai Xệ, Sáu Kiếm, bác thầy Hù, chú Quậy, Hai Nhím, Hai Hàng, Hai Ngọng, Bảy Thứ-Bảy Nổ, Bảy Cò, ... Trẻ con

thì mang những tên bình dân như con Lem, con Rốt, con Xí, con Đẹt, thằng Sỏi, thằng Sạn, thằng Tàn, thằng Tèo, ... trong Cơn Lốc Xoáy Tim, thằng Đực Lớn, thằng Đực Nhỏ, thằng Bảy Rái, thằng Hai Đốt, con Tư Yêm,... trong Ngày Ấy Qua Mau, Như Nước Trong Nguồn, hay thằng Đực Lang tục danh Cò Lửa trong Miếng Thương Miếng Nhớ chuyên bẫy chim, bắt ếch bắt lươn. Nhân-vật đủ nguồn gốc, người Nam-kỳ từ nhiều đời hoặc từ Trung vào, có cả người Hoa, người Tiều, người gốc Miên, Ấn-Độ, v.v. Nhân-vật khác nhau hoặc đôi khi trở đi trở lại (Thầy Huế, Giáo Sử, Hương sư Chương, thằng Đực Nhỏ, thằng Bảy Rái, thằng Hai Đốt...), cứ như những nhân vật đó đã có thật trong đời sống, quanh quẩn trong những vùng đồng chua sông nước Tiền và Hậu giang mà nếu nối kết những truyện ngắn này sẽ có thể thành một tiểu-thuyết trường thiên.

Một đặc thù khác trong các truyện của Võ Phước Hiếu, đó là *sông nước*: sông nước tư bề hoặc kinh rạch tuôn chảy len lỏi trong khắp cùng miền đồng bằng sông Cửu Long. Sông rạch cảnh trí thiên nhiên và đồng thời là nguồn sự sống: *"mọi sinh hoạt lớn nhỏ của xóm tôi nhứt nhứt đều xuất phát và trông cậy vào dòng nước duy nhất trời ban cho"*. Sông nước trở thành hình ảnh của nhớ nhung, của quá-vãng dù những dòng sông con nước đó nay vẫn tuôn chảy, luồn lách. Tác-giả còn nói đến "sự trở về của giông nước lớn", có nước ròng thì phải có nước lớn như chu kỳ tất yếu của tạo vật cũng là ngày tàn sẽ phải đến với chế độ độc tài đảng trị thối nát đang tàn phá đất nước (QCQM, tr. 160).

Quan niệm sống Nam-kỳ lục-tĩnh theo Võ Phước Hiếu "rất giản đơn như nước lớn nước ròng, như con rạch cắt ngang cái xóm nghèo của họ, có lúc vơi lúc đầy" (Nẻo Nhớ Tìm Về). Đó còn là những đam mê, như trong Chữ Nghĩa Một Thời, *«Nơi xóm Rạch Rít của tôi, cái đam mê chung của bà con vẫn không ngoài công việc phá rừng lập vùng, đào kinh lên rẫy. Họ biến những vùng hoang vu rập rạp chẳng mấy chốc thành cảnh thổ quyến rũ với ruộng nương vòng liếp ngút ngàn, quanh năm xanh um mơn mớn»*. Con người miền Nam trong truyện Võ Phước Hiếu phần lớn sống gắn chặt với mảnh đất quê nhà, từ thế hệ này sang thế hệ khác, chấp nhận "định mệnh an bày", những nơi đó, như ở làng Thanh Hà của tác-giả, *"bà con trong xóm như những dây mơ rễ má, có mối quan hệ rất thân thiết với nhau"* mà tác-giả xem như là *"một bộ lạc nhỏ hẹp thuở xa xưa"*. Theo tác-giả, đó là một nơi chốn thật buồn, *"trăm năm cũng vẫn một vẻ rã rượi buồn tênh, hắt hiu nghèo khó"* (NMTY).

Mặt khác những hình ảnh như những bếp lửa mà bà của tác-giả đã nhắc nhở con cháu mỗi khi xây nhà mới lại mang giá trị tượng trưng: những vật dụng thực tế và thiết yếu ở vùng đồng quê hẻo lánh đánh dấu sự an cư lạc nghiệp, đã trở thành những hình ảnh thân thương đầy ý nghĩa và áp tâm tình mỗi khi nhớ lại (Ngày Ấy Qua Mau). Cũng như những chiếc bánh phồng của một thời, nay sống ở nước người, *"mỗi lần nghe trong hồn tôi tiếng chày khuya quét bánh phồng Tết là tôi ý thức và nhìn lại rõ ràng sáng trưng góc rẽ cội nguồn của bản làng thôn ổ khắc khổ của mình. Để rồi xác quyết thêm một lần cuối, muôn thuở tôi vẫn là người Việt Nam"* (Cái Bánh Phồng Tết).

Về *văn phong*, các truyện của Võ Phước Hiếu nói chung có đặc tính hồn nhiên. Hãy đọc đoạn văn sau: *"... Có bữa chú cao hứng thuật lại một câu chuyện cũ mèm, xưa từ đời ông Nhựt ủa cút su, nhưng bà con vẫn chăm chú theo dõi, hồi hộp với những cảm giác chưa từng có. Chú khéo léo thêm thắt, bày vẽ nhiều tình tiết éo le gay cấn, cải sửa nội dung sao cho phù hợp hoàn cảnh đang sống hoặc đúng khớp thời sự mới tinh khôi vừa xây ra nóng hổi ở xóm làng. Hoặc chú đậm mắt thêm muối bằng vài chi tiết lạ hoắt lạ hươ, người nghe chưa bao giờ nghĩ và tưởng tượng đến, nhờ ba mớ kinh nghiệm sống thực, rất dồi dào trong cuộc đời phiêu lưu bất đắc dĩ của chú trước đây. Và chính cuộc đời phiêu bạt đó của chú khiến cho chất làng mạn bay bướm, phẳng phất hơi hướm ngoại lai, cứ tuôn trào ngọt ngào trong câu chuyện"*.

- *"Bà con tôi phần lớn sinh trưởng và lớn lên quanh quẩn ở vùng đèo heo húc gió, chó ăn đá gà ăn đất buồn tênh, suốt đời cột chặt với thửa mạ luống cày, lúc thúc bên lũy tre xóm làng. Có người từ cha sanh mẹ đẻ tới giờ chưa ra tỉnh ra quận một lần. Cái thủ đô Sài Gòn Chợ Lớn sát bên, lớn nhỏ ra*

sao, tròn méo, đồng đúc thế nào còn chưa biết, nói chi đi đó đi đây vạ dậm làm gì” (Trâu Già Chặng Nệ Dao Phay).

Một đoạn văn khác nhẹ nhàng cho cảnh sống êm đềm của miền quê Rạch Rít trước khi thăm cảnh xảy tới: “Bà tôi cầm cái đèn dầu trứng vịt để ở đầu giường, vén mùng chun vào, cẩn thận ém đi ém lại rất kỹ. Muỗi mòong ở xóm Rạch Rít của tôi cũng như những nơi khẩn hoang lập ấp khác nhun nhúc, vo ve ngày đêm như trầy hội.

Bà nhè nhẹ thò tay ra ngoài, phất tay liên tiếp mấy cái mạnh để tắt đèn. Tim đèn hãy còn đỏ ửng, từ từ uốn thành vòng cung rồi lịm dần trong u tối.

Cửa chỉ quen thuộc đó, bà tôi đã làm từ hơn nửa thế kỷ nay. Một cửa chỉ sản khoái toại nguyện vì bà tỏ ra sung sướng đã kết thúc một ngày làm lụng không ngừng tay, đón đợi giấc ngủ an tịnh trong lành.

Bên ngoài vắng vẻ tĩnh mịch như thường lệ. Nhạc bản ngàn đời của côn trùng ếch nhái bắt đầu trở lên dai dẳng buồn tênh, ru giấc ngủ ông bà tôi thêm nồng nàn say đắm. Vài tiếng chim ăn đêm quá quen tai chập chập vút lên đầu đó bên liếp mía, vồng khoai, ngoài vườn cau vườn dứa, cũng không thể phá giấc ngủ vùi đó, chuẩn bị sức lực cho ngày mai đón đợi.”

Truyện của Võ Phước Hiếu hay nói đến xóm Rạch Rít vốn là quê hương thân thương của tác-giả: “Xóm Rạch Rít của tôi phát đạt, trù phú. Ruộng lúa bát ngát, óng ánh vàng hực mùa gặt. Cây trái oằn cành. Kinh đào tắm tấp ngút mắt. Nhà ngói kinh dinh đồ au. Đêm đêm, đèn «măng-soong» rực trời ngày lễ lộc.

Ghe máy xinh xịch, sóng rạch dậy sóng, tung bọt trắng xóa làm cho máy chiếc xuồng ba lá và ghe tam bản nhảy sóng liên hồi, chồm lên sụp xuống dịu dàng. Hội hè đình đám tấp nập người xem. Hát cải lương, hát bội dù là những đoàn hát bầu tèo nghèo xơ xác chỉ lưu diễn ở làng ở tổng, thỉnh thoảng tạt ngang trụ lại trình diễn năm bảy đêm liền”(Đám Cháy Đầu Xuân).

\* \* \*

Tình cảnh sống lưu vong xa quê không ngày về, Võ Phước Hiếu thương nhớ quê nhà da diết, nên ông đã dùng văn thơ câu văn chuyên chở những tâm tình nhưng nhớ, ký vãng pha cùng hy vọng. Nhưng nhớ quê-hương nhập vào tâm tình của nhân-vật Năm Nghê trong truyện Trâu Già Chặng Nệ Dao Phay khi phải làm lính thợ sang Âu châu: “nhớ, hơn bao giờ hết. Nhớ cồn cào trong túi hận... Chú nhớ khoảng không gian thênh thang trước nhà mình, lung linh ánh nắng sớm chiều với tiếng chim nô đùa hợp chợ ríu ra ríu rít không thôi trên những tàn ổi, tàn mần cầu... đêm tướt non mướt mùa mưa.

Chú nhớ những bữa cơm đạm bạc với cá tép tôm cua, rau cỏ vườn nhà chú thường ăn, tuy không thịnh soạn, nhưng lúc nào cũng no bụng ấm lòng.

Chú nhớ những con cá rô to bằng bàn tay phóng nhảy rền rẹt rẹt rất cao khỏi mặt nước ở những đám lúa trở đồng đồng để tấp bông lúa non thơm ngon, mà chú thường câu nhắp đem về nướng lửa rơm căn phòng thơm mở.

Chú nhớ những ngày ra giêng gió lạnh lạnh, những trái xoài con thon thon nhỏ đong đưa đồng loạt với những bông xoài nở muộn, một màu trắng vàng giữa những lá non tím tím, báo hiệu một mùa trái ngon ngọt hứa hẹn.

Chú nhớ mấy bầy rông rông lớn nhỏ, màu đỏ hoe, quán quít sát vào nhau, ganh đua trườn lên mặt nước góp thờ, bên cạnh cá lóc mẹ, thỉnh thoảng tấp mống bụp bụp bảo vệ con, xua đuổi ếch nhái khuấy rầy.

*Chú nhớ vào những mùa gió chướng bắt đầu thổi, mấy cây so đũa suông đuột trước nhà chú trông cốt để về sau lấy thân ủ làm núm mè, trở bông trắng ngần lòng thông, phát phối lay chuyển theo chiều gió. Chú đang thềm một nồi canh chua cá tràu, cá chốt bụng trứng nặng kè kè nấu với bông so đũa, ăn mệt nghỉ. Nhứt là phải để sót chút ít nhụy bông so đũa để có mùi đặng đặng nhân nhân.*

*Giờ đây, nơi xa xôi có lúc bắt chợt nghĩ đến, chú càng thêm nhớ thêm thương quê hương khổ hạnh của chú. Và cái mùi nhân nhân đặng đặng của bông so đũa ngày xưa càng làm cho chú thêm thấm thía với cuộc sống giăng mắc đặng cay hiện tại...”*

*Sau khi Đức Quốc Xã bại trận, chú Năm Nghê thuộc nhóm lính thợ đầu tiên đăng ký hồi hương. Chú thương cái xóm Rạch Rít của tôi. Chú nhớ quê hương, bà con lối xóm. Chú không chần chừ rời khỏi mảnh đất xa lạ bị tàn phá với nhiều kỷ niệm chú cố gắng quên mau, xem như một vấp vấp trong đời mình.*

*Sau này, chú có thói lộ tâm trạng của chú lúc đó như những chú cá lóc, cá trê, cá rô... ưa thích sống trên đồng ruộng, bưng biền hay đầm vũng, nơi chúng được sinh trưởng và lớn lên. Sau này nên hình nên vóc, dù cho đồng ruộng có cạn khô mùa nắng, dù cho bưng biền có hết nước đi nữa, nhưng chúng nó không bao giờ phiêu lưu thoát ra sông cái đầy cạm bẫy. Trái lại, chúng nó lần mò tìm mọi cách rút xuống ao sâu đầm vắng, như chúng quuyến luyến không rời bỏ được vùng đất dưỡng nuôi bảo bọc chúng trước đây. Cũng như chú, chú không thể bỏ được quê hương Rạch Rít của chú”(Trâu Già Chặng Nặng Dao Phay).*

*Phản Võ Phước Hiếu sống đời tị nạn, nỗi nhớ hiện tại có khác nhưng cũng không khác những nhớ nhung của chú Năm Nghê năm xưa: “Nỗi buồn lưu đầy ray rứt, nỗi tủi nhục về thân phận lạc lõng bơ vơ nơi xứ lạ quê người, nỗi chán chường đeo đẳng hiện tại với niềm uất hận tràn dâng ngút ngàn... tất cả nỗi niềm thâm kín đó gặm nhấm tim tôi khiến tôi càng thêm vọng nhớ quê hương xa xôi gần cách.*

*Tôi nhớ, tôi yêu đậm đà tha thiết cái xóm heo lánh, nghèo nàn, nơi tôi sinh trưởng, cất tiếng đầu đời. Cái quê mẹ, quê cha, quê ông bà thân thương đó với những kỷ niệm chia thít thà ngày tư ngày Tết thuở quê hương tôi thanh bình sung túc, những cảnh trao đổi thổ sản, thóc lúa, biếu xén không vụ lợi, không mây may hậu ý... đương nhiên đã trở thành một cái gì thiêng liêng, quý giá nhất trong cuộc sống của tôi.*

*Quê nhà đó cứ vấn vương réo gọi, thôi thúc không thôi, nhắc nhớ gọi hồn, giục giã hướng đến mùa Xuân ước mơ, thanh bình thực sự, hạnh phúc ấm no tràn đầy, vĩnh cửu”(Đám Cháy Đầu Xuân).*

*Trong thương nhớ có con sông lớn, cả con rạch nhỏ “hằng ngày, nước chảy xuôi ngược lững lờ, kéo theo những dề lục bình, những người bạn trăm năm ngàn năm uế oải u buồn”. Nhớ những vườn cây trái như xoài, bưởi, chùm ruột, măng cầu dai, ... Những ruộng đồng tân lập bát ngát ... những rừng chồi, rừng tràm “chạy dài ngút mắt” - mà tác-giả gọi là “những cánh rừng mút chỉ cà tha”. Những địa danh có tính “man dại”, “hoang dã của một thời xa xôi khẩn hoang lấn đất ... thời hoang sơ hun hút của tổ tiên”. Thương nhớ những thú vui đạm bạc hay tao nhã xa xưa, như các loại trà Thiết Quan Âm, Bạch Hào Kỳ Chưởng, Nghi Bồi Nhâm thứ mua thứ trồng chung quanh nhà, rượu đế Gò Đen, thuốc rê Gò Vấp, v.v. , và những món ăn như bún thịt cua đình nấu cà ri, như nem chua và bánh phồng ngày Tết, gạo nanh chồn vùng Chợ Đào, v.v. Qua truyện kể của Võ Phước Hiếu, người đọc có thể “thấy” lại những ngành nghề nay không còn nữa như nghề đạo tỳ của nhân-vật Năm Đặng trong Chữ Nghĩa Một Thời, nghề trị quỷ trấn ma của ông Sáu Kiếm trong Con Quỷ Gò Bướm Quê Tôi, hay nghề bà mụ thô sơ thời xa xưa với bà Hai Đặng trong Như Nước Trong Nguồn. Và những thú vui hay cảnh sinh hoạt đã mất với thời gian như cảnh ăn Tết nhộn nhịp đầy ý nghĩa văn-hóa dân-tộc ở vùng quê, cảnh gánh hát ở các đình miếu xóm làng quê heo hút hay trong nhà lồng chợ những nơi thị tứ nhỏ, với những tài tử hát diễn một thời! Tác-giả còn kể chuyện những chuyến xe điện ở*

Sài-gòn và xe lửa Sài-Gòn-Mỹ Tho của ngày nào, những sinh hoạt và cảnh tượng nay đã mất dấu theo đà hiện đại hóa!

Võ Phước Hiếu thương nhớ những vùng đất cũ, rồi những kỷ niệm và bạn bè, người thân nay kẻ còn người mất. Thương nhớ theo cùng phần nợ trước khôn khổ của người dân quê, bất mãn trước lẽ lối cai trị tàn bạo và tham ô những lạm của cán bộ cộng-sản. Thương nhớ biểu hiện theo từng hình ảnh, nhân-vật, mà lo âu, tiếc nuối cũng theo từng dòng chữ viết. Trong Nẻo Nhớ Tim Về, nẻo nhớ là con đường tráng nhựa từ nhà lồng chợ Phú Lâm đến thị trấn Hiệp Hòa chạy ngang qua trường Sò Đo, thị xã Tân Phú Thượng, con đường thân mẫu tác-giả đã phải đi về khi dạy học ở Sò Đo. Con đường huyết mạch nhưng lờm chờm đá xanh và “ổ gà, ổ trâu, cả ổ voi tầy quày ... úng nước lầy lội”. Cứ vài tháng bà mới có thể về thăm nhà, bằng phương tiện xe thổ mộ, có khi tác-giả được đi theo, nhờ đó có dịp quan sát, nay ông nhớ tả lại cảnh sinh hoạt và lưu thông trên đoạn đường đó thật linh động và cảm động. Nổi nhớ tha thiết với những đoạn văn đẹp, vừa hiện thực vừa trữ tình: *“Đoạn đường nhiều khe trắc trở này, hầu như hoang vu, lâu lâu mới thấy một mái tranh lè loi nằm lạnh lùng sát bên cánh rừng chồi hay một thum lá nghèo nàn xơ xác với ánh đèn dầu mờ ảo, leo lét xa xa giữa màu đêm đen dày mịn. Éch nhái uênh oang nảo nuốt và bầy đom đóm lập loè như ma trôi bên những bụi rậm sẫm tối, càng dấy lên trong lòng những người xiêu lạc, trôi nổi mưu sinh nơi xa xôi như mẹ tôi một nỗi buồn hoài hương thấm thía. (...) Trời đã tối khá lâu rồi. Cảnh vật hai bên vệ đường vắng hoe dễ sợ. Chỉ thấy xa xa từng chập, ở những gò hoang mênh mông bát ngát hay dọc theo những chéo đất bỏ phế, cỏ lác năn sậy mọc loạn xạ không quá gối, vài ngọn đèn chai soi cá, soi chim khúm núm. Ánh sáng le lói bập bùng như hồn ma bóng quế vui đùa trũng giỡn ở những truyện liêu trai rợn tóc gáy ...”*. Chuyện xảy ra khi tác-giả đã lớn hơn thời mẹ ông đưa ông đến trường lớp ông Thầy Huế và Hương sư Chương ở ngay trong làng Thanh Hà trong Ngày Ấy Qua Mau và Như Nước Trong Nguồn.

Cũng như một số tác-giả văn-học hải-ngoại khác, tính chất *tự truyện* khá trội bật trong các truyện của Võ Phước Hiếu. Có thể nói quá-khứ và kỷ niệm sống đã là nền tảng và bước khởi đi của văn thơ Võ Phước Hiếu. Ông khiêm tốn gọi đó là những “kỷ niệm giản đơn, bình thường”, bình thường nhưng “không thể vứt bỏ đi được”; ông cho biết *“Bao nhiêu kỷ niệm xa xưa vẫn cứ lắng đọng, chìm sâu trong miền ký ức phức tạp, nhiều lúc tôi tưởng chừng như nó vĩnh viễn nằm im trong quên lãng để chết rũ trong đó. Nào dè, thỉnh thoảng, nó lại cựa cựa nhòem dậy sáng trưng với đầy đủ cả những chi tiết và tình tiết buồn vui sướng khổ ngày nào, đôi lúc quá bất ngờ nhưng đầy hấp dẫn cuốn lờ”*(*Như Nước Trong Nguồn*, tr. 151). Đó cũng là lý do nhiều nhân-vật và không gian được tác-giả nhiều lần sử dụng lại, đưa vào tác-phẩm.

Theo thiện ý, Võ Phước Hiếu viết với ý thức trách nhiệm đối với tổ quốc, dân tộc, và ý thức của nhà văn có vai trò đối với xã hội. Võ Phước Hiếu hình như không quan tâm đến chỗ đứng tương lai của ông như là nhà văn đó trong văn học sử, mà đúng hơn ông đóng góp cho lịch-sử dân tộc qua phương tiện văn-học. Ông không làm văn chương, không viết ra những câu văn thời thượng hay theo chủ thuyết hình thức này kia thường rỗng tuếch nội dung và vắng chiều sâu. Văn ông được diễn tả theo kiểu có sao nói vậy, nghĩ sao bộc tả vậy!

Võ Phước Hiếu tỏ ra ý thức sứ mạng văn chương của mình. Viết về quê-hương không phải để chỉ nhớ quê nhà, đụng đến quá-khứ không phải để tưởng tiếc thuần tình, mà ông còn dụng ý cho người đọc tìm biết tại sao ông đã đánh mất quê-hương đó, tại sao và vì ai mà có người phải bỏ chốn thân thương đó để ra đi, ... Sống đời lưu xứ, những việc tưởng là tụn mủn, lằm cẩm như sưu tập, nghiên cứu ca dao tục ngữ hay phương ngữ đều là những cách thể tích cực đóng góp cho dân-tộc hơn là thuần nhung nhớ quê-hương. Như nhân-vật thầy giáo Mạnh trong truyện Ông thầy giáo làng quê, hoàn cảnh bị đưa về vùng «xa xôi hun hút», làng Thanh Hà, đã sưu tầm văn-chương văn-hóa bình

dân mà ông xem như là «ký ức tập thể của chòm xóm» với quan niệm đó là một thể cách «*sống đam mê là một hạnh phúc vô biên cương, vô giới hạn của một kiếp người*».

Đề cao tình quê hương, tình yêu đất cũng như đề cao quá khứ oai hùng, kiên cường của những con người đã làm nên mảnh đất đó, truyện của Võ Phước Hiếu đã ghi lại những hình ảnh xinh đẹp, tốt lành trước khi biến mất với thời gian và trước khi những con người cai trị thời sau 1975 đến áp bức, gây xáo trộn. Với một ý thức trân quý muốn giữ gìn truyền thống văn-hóa của đất nước, truyền thống với những giá trị văn-hóa địa phương và cả nước, đã ăn sâu vào tiềm thức và thể hiện qua sinh hoạt thường ngày. Qua tác-phẩm của Võ Phước Hiếu người đọc thấy thấp thoáng một thứ đạo đức phổ quát, nền tảng về đạo làm người, làm con dân đất nước, và một tâm tình đôn hậu, chân phương, cởi mở như là xương sống cho đặc-tính Nam-kỳ lục-tĩnh!

Như Võ Phước Hiếu đã có lần tâm sự “*cuộc đời lưu đầy ray rức vẫn cứ ngăn ngắt gậm nhấm tâm hồn tôi*” (QCQM, tr. 110), tác-phẩm của ông được viết ra bộc phát từ trái tim mẫn-cảm, thương nhớ của mình, mà Võ Phước Hiếu đã đem đến cho người đồng hương và đồng bào lòng tin yêu vào cuộc đời, tin vào tính nhân bản dù ở vào hoàn cảnh nào cũng hãy còn đó. Ngoài ra, tác-phẩm của Võ Phước Hiếu còn làm phong phú thêm cho chữ nghĩa Việt Nam ở quê người và còn cung cấp thêm những chứng liệu lịch-sử, văn hóa về vùng đồng bằng sông Cửu Long, cho thấy những yếu tố đặc trưng riêng của vùng đất và con người nơi đây.

*Nguyễn Vy Khanh*

Montréal, 15-11-2010